

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNTNMT

Thái Bình, ngày tháng năm 2023

V/v triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022; Văn bản số 1454/BTNMT-BĐKH ngày 09/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022. Về việc này, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

1.1. Tuyên truyền, phổ biến nội dung NDC cập nhật năm 2022; đa dạng hóa phương thức thông tin, khai thác các lợi thế của chuyển đổi số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về biến đổi khí hậu (BĐKH), phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy lối sống thân thiện với môi trường, góp phần hình thành lối sống văn minh, bảo vệ hệ thống khí hậu Trái đất ...

1.2. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Văn bản: Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 19/8/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030”; Công văn số 4290/UBND-KTTNMT ngày 01/9/2020 về việc thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 5052/UBND-NNTNMT ngày 27/10/2020 về việc triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; Công văn số 774/UBND-NNTNMT ngày 05/3/2021 về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 19/10/2017; Công văn số 781/UBND-NNTNMT ngày 05/3/2021 về việc thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động

tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Công văn số 362/UBND-NNTNMT ngày 09/02/2022 về tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên môi trường; Công văn số 1246/UBND-NNTNMT ngày 19/4/2022 về việc triển khai các quy định pháp luật về ứng phó với BĐKH; Công văn số 3070/UBND-NNTNMT ngày 26/8/2022 về triển khai thực hiện các Quyết định: Số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022, số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 3099/UBND-NNTNMT ngày 29/8/2022 về thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 về phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030.

1.3. Tham mưu thực hiện lồng ghép nội dung NDC cập nhật năm 2022, nội dung thích ứng với BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của ngành, địa phương giai đoạn 2021 - 2030 gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, nhằm tăng cường đồng lợi ích, tối ưu hóa hiệu quả thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

1.4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện tham mưu, hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ, quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với BĐKH phù hợp với quy mô, ngành nghề sản xuất tại địa phương và phạm vi, lĩnh vực quản lý, cụ thể:

1.4.1 Về giảm nhẹ khí nhà kính

- *Lĩnh vực năng lượng*: Thực hiện các biện pháp giảm phát thải trong sử dụng năng lượng gồm điều hòa nhiệt độ và thiết bị lạnh hiệu suất cao trong dịch vụ thương mại và gia dụng, đèn thấp sáng tiết kiệm điện, thiết bị đun nước nóng mặt trời, khí sinh học và nhiên liệu sạch hơn thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các ngành công nghiệp, sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao, áp dụng công nghệ phát thải thấp trong sản xuất vật liệu xây dựng, tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng trong giao thông vận tải, giới hạn tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới, chuyển đổi phương thức vận tải hành khách và hàng hóa, tăng hệ số tải của ô tô, sử dụng CNG và nhiên liệu sinh học, sử dụng các loại xe máy, ô tô, xe buýt chạy điện. Giảm phát thải trong cung cấp năng lượng gồm phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng gió, mặt trời, phát triển nhiệt điện sinh khối, điện rác thiêu đốt và điện rác chôn lấp, điện khí sinh học, sử dụng công nghệ tua-bin hỗn hợp dùng LNG, phát triển công nghệ nhiệt điện cực siêu tới hạn.

- *Lĩnh vực nông nghiệp*: Ứng dụng công nghệ mới, thay đổi phương thức canh tác trong nông nghiệp tạo xu hướng sản xuất bền vững; ứng dụng các giải pháp quản lý cây trồng tổng hợp; áp dụng các công nghệ trong trồng trọt như tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở vùng có hạ tầng đầy đủ; hiện đại hóa tưới nước và bón phân cho cây dài ngày; rút nước giữa vụ trong canh tác lúa; chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả thành đất cây trồng cạn hoặc đất tằm - lúa; bón phân compost và nông nghiệp hữu cơ; thay phân đạm bằng các loại phân chậm tan, phân hóa chậm; cải thiện khẩu phần ăn gia súc nhai lại; tuần hoàn chất thải nông nghiệp

làm phân hữu cơ; phát triển sử dụng khí sinh học. Giảm phát thải khí mê-tan trong các tiểu lĩnh vực, đặc biệt là canh tác lúa nước và quản lý chất thải vật nuôi, phế phụ phẩm nông nghiệp.

- *Lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF)*: Thực hiện các biện pháp bảo vệ diện tích rừng ngập mặn hiện có trên địa bàn tỉnh; bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng ven biển; nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo, nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực LULUCF thể hiện quyết tâm của Việt Nam thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất.

- *Lĩnh vực quản lý chất thải*: Thực hiện với các biện pháp quản lý, giảm phát sinh chất thải rắn; phát triển và áp dụng công nghệ tái chế chất thải rắn; sản xuất phân compost và nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải (RDF); thu hồi, đốt và sử dụng khí mê-tan từ bãi chôn lấp chất thải rắn; xử lý kỵ khí có thu hồi khí mê-tan cho phát điện; tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ khí mê-tan từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt; thu hồi khí mê-tan từ xử lý nước thải công nghiệp.

- *Các quá trình công nghiệp*: Chuyển đổi, sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker; sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker; áp dụng công nghệ tốt nhất (cải tiến công nghệ BOF) để giảm phát thải N₂O cho ngành hóa chất; áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép; sử dụng các môi chất lạnh thân thiện với khí hậu; thu hồi, tái chế và tiêu hủy các chất HFCs.

1.4.2. Về thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với BĐKH cấp quốc gia đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại các Văn bản: số 4290/UBND-KTTNMT ngày 01/9/2020; số 904/UBND-NNTNMT ngày 23/3/2022 và Văn bản triển khai số 3396/STNMT-BKTTV ngày 01/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH, triển khai các giải pháp công trình, phi công trình ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn; các hoạt động nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; triển khai các giải pháp thích ứng, trong đó có giải pháp thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EBA) và các giải pháp dựa vào tự nhiên (NBS), dựa vào cộng đồng (CBA) nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do tác động của BĐKH đối với lĩnh vực, khu vực quản lý.

1.5. Tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện NDC thuộc chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý; hằng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 12.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện lồng ghép các nội dung NDC cập nhật năm 2022 vào Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án hạ tầng thích ứng với BĐKH theo quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, ban hành cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư trong và ngoài nước; ưu tiên thu hút các dự án ứng phó với BĐKH, phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực giám sát BĐKH, dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với thiên tai và BĐKH.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện NDC cập nhật năm 2022 gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Biến đổi khí hậu), Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

Nhận Công văn này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn